

Số: /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao tài sản công cho các cơ quan, đơn vị thuộc xã Đồng Kỳ
để quản lý, sử dụng theo quy định

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017; Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 113/2025/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh Phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng, khai thác, xử lý tài sản công tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Ninh;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 130/TTr-STC ngày 26/3/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao tài sản công cho các cơ quan, đơn vị thuộc xã Đồng Kỳ để quản lý, sử dụng theo quy định.

(Chi tiết tài sản giao cho các cơ quan, đơn vị theo Biểu đính kèm)

Điều 2. Các cơ quan, đơn vị được giao tài sản tại Điều 1 Quyết định này phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan hoàn thiện hồ sơ, thủ tục bàn giao, tiếp nhận tài sản; hạch toán kế toán; cập nhật biến động tài sản vào phần mềm quản lý tài sản công; hoàn thiện các thủ tục hành chính về đất đai, thực hiện xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của đơn vị và quản lý, sử dụng tài sản theo quy định hiện hành. Trường hợp khi tiếp nhận tài sản chưa có thông tin về nguyên giá, giá trị còn lại, đơn vị tiếp nhận tài sản thực hiện xác định nguyên giá, giá trị còn lại để hạch toán vào giá trị tài sản của đơn vị theo quy định.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, UBND xã Đồng Kỳ, Văn Phòng HĐND&UBND xã Đồng Kỳ, Phòng Văn hóa - Xã hội xã Đồng Kỳ và các đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- + LĐVP, TPKTTH, TH;
- + Lưu: VT, KTTH._{Hài}

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Ngô Tân Phụng

DANH MỤC TÀI SẢN GIAO CHO CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ THUỘC XÃ ĐỒNG KỲ

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /3/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên tài sản (chi tiết theo từng tài sản)	Loại tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đã tiếp nhận từ đơn vị nào trước thời điểm ngày 01/7/2025
I	Văn Phòng HĐND&UBND							
1	Trụ sở số 1: Bản Trại Tre							
-	Đất	đất	m2	8.034,2		6.828.900.000	6.828.900.000	UBND xã Đồng Hưu
-	Trụ sở làm việc UBND xã Đồng Kỳ	nhà cấp III	m2	200	2017	2.404.665.000	1.635.172.200	UBND xã Đồng Hưu
-	Nhà hội trường UBND	Nhà cấp IV	m2	100	2014	528.000.000	140.606.400	UBND xã Đồng Hưu
-	Nhà hội trường UBND	Nhà cấp IV	m2	450	2020	2.061.011.000	1.373.663.832	UBND xã Đồng Hưu
-	Sân, công trụ sở làm việc	kiến trúc		1	2021	528.575.000		UBND xã Đồng Hưu
2	Trụ sở số 2: Bản La Xa		m2					
-	Đất	đất	m2	5.658,3		8.487.450.000	8.487.450.000	UBND xã Đồng Vương
-	Nhà làm việc số 1	nhà cấp III	m2	975	2007	2.927.206.560	263.649.800	UBND xã Đồng Vương
-	Nhà làm việc số 2	Nhà cấp IV		98	2014	566.692.000	158.358.598	UBND xã Đồng Vương
-	Công, tường rào, nhà để xe	kiến trúc	m2		2024	1.027.794.000		UBND xã Đồng Vương
-	Nhà hội trường	Nhà cấp IV	m2	281	2010	1.841.651.000	121.917.296	UBND xã Đồng Vương
3	Trụ sở số 3: Thôn Đền Giếng							
-	Đất	đất	m2	4.252,6	2010	2.000.000.000	2.000.000.000	UBND xã Đồng Kỳ cũ
-	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND xã Đồng Kỳ	đất	m2	4.659	2010	5.031.612.000	5.031.612.000	UBND xã Đồng Kỳ cũ
-	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND xã Đồng Kỳ	Nhà cấp IV	m2	272	2020	555.530.000	407.314.596	UBND xã Đồng Kỳ cũ
4	Xe Ô tô con 98A-008.20 Toyota Fortuner		chiếc	1	2020	1.247.334.400	914.545.582	Văn phòng Ủy ban UBND huyện
II	Phòng Văn hóa - Xã hội							
1	Nhà văn hóa bản Đồng Đăng							
-	Đất	Đất	m2	805,9		212.757.600	212.757.600	UBND xã Đồng Vương
-	Nhà văn hóa bản Đồng Đăng		m2	160		641.910.000	427.833.015	UBND xã Đồng Vương
2	Nhà văn hóa bản Tràng Bản							
-	Đất		m2	764,4		1.489.680.000	1.489.680.000	UBND xã Đồng Vương

-	Nhà số 1		m2	168		532.424.000	354.860.596	UBND xã Đồng Vương
-	Nhà số 2		m2	75,6		68.000.000	40.786.400	UBND xã Đồng Vương
3	Nhà văn hóa bản Đồng Tân							
-	Đất		m2	1046,6		276.302.400	276.302.400	UBND xã Đồng Vương
-	Nhà văn hóa bản Đồng Tân		m2	188,1		970.999.000	906.233.367	UBND xã Đồng Vương
4	Nhà văn hóa bản Đồng Vương							
-	Đất		m2	902,6		238.286.400	238.286.400	UBND xã Đồng Vương
-	Nhà số 1		m2	148		715.487.000	524.595.068	UBND xã Đồng Vương
-	Nhà số 2		m2	79,31		180.000.000	0	UBND xã Đồng Vương
5	Nhà văn hóa bản Thái Hà							
-	Đất		m2	1419,2		374.668.800	374.668.800	UBND xã Đồng Vương
-	Nhà văn hóa bản Thái Hà		m2	211,37		1.004.694.000	1.004.694.000	UBND xã Đồng Vương
6	Nhà văn hóa bản La Xa							
-	Đất		m2	1845,8		487.291.200	487.291.200	UBND xã Đồng Vương
-	Nhà số 1		m2	97,5		347.281.000	0	UBND xã Đồng Vương
-	Nhà số 2		m2	212		1.067.852.000	925.400.543	UBND xã Đồng Vương
7	Nhà văn hóa bản La Lanh							
-	Đất		m2	355,8		93.931.200	93.931.200	UBND xã Đồng Vương
-	Nhà văn hóa bản La Lanh		m2	122,4		428.623.000	142.731.459	UBND xã Đồng Vương
8	Nhà văn hóa bản Bình Minh							
-	Đất		m2	1586,6		424.142.400	424.142.400	UBND xã Đồng Vương
-	Nhà số 1		m2	212		1.006.864.000	872.548.342	UBND xã Đồng Vương
-	Nhà số 2		m2	98,49		207.473.000	0	UBND xã Đồng Vương
9	Nhà văn hóa bản Trại Tre							
-	Đất		m2	558		147.312.000	147.312.000	UBND xã Đồng Vương
-	Nhà văn hóa bản Trại Tre		m2	93,15		335.425.000	44.577.983	UBND xã Đồng Vương
10	Nhà văn hóa bản Trại Mía							
-	Đất		m2	850		224.400.000	224.400.000	UBND xã Đồng Vương
-	Nhà văn hóa bản Trại Mía		m2	150,67		493.063.000	328.626.490	UBND xã Đồng Vương
11	Nhà văn hóa Thôn Gia Bình							
-	Đất		m2	1120,5		976.400.000	976.400.000	UBND xã Đồng Vương
-	Nhà số 1		m2	136				UBND xã Đồng Vương
-	Nhà số 2		m2	77				UBND xã Đồng Vương
12	Nhà văn hóa Thôn Mỏ Hương							

-	Đất		m2	405,7		324.560.000	324.560.000	UBND xã Đồng Hưu
-	Nhà văn hóa thôn Mỏ Hương		m2	188,1		1.298.629.000	1.298.629.000	UBND xã Đồng Hưu
13	Nhà văn hóa Thôn Ao Gáo							
-	Đất		m2	677,2		541.760.000	541.760.000	UBND xã Đồng Hưu
-	Nhà văn hóa Thôn Ao Gáo		m2	188,1		915.720.000	915.720.000	UBND xã Đồng Hưu
14	Nhà văn hóa Thôn Trại Mới							
-	Đất		m2	731,1		584.880.000	584.880.000	UBND xã Đồng Hưu
-	Nhà văn hóa thôn Trại Mới		m2	105				UBND xã Đồng Hưu
-	Nhà bếp		m2	15				
15	Nhà văn hóa Thôn Suối Dọc							
-	Đất		m2	740,7		414.216.000	414.216.000	UBND xã Đồng Hưu
-	Nhà hóa Thôn Suối Dọc		m2	208		1.021.000.000	1.021.000.000	UBND xã Đồng Hưu
16	Nhà văn hóa Thôn Trại Tre							
-	Đất		m2	223,8		1.119.000.000	1.119.000.000	UBND xã Đồng Hưu
-	Nhà văn hóa thôn Trại Tre		m2	114				UBND xã Đồng Hưu
17	Nhà văn hóa thôn Công Châu							
-	Đất		m2	1232,5		1.084.600.000	1.084.600.000	UBND xã Đồng Hưu
-	Nhà số 1		m2	160				UBND xã Đồng Hưu
-	Nhà số 2		m2	70				UBND xã Đồng Hưu
-	Nhà bếp		m2	15				UBND xã Đồng Hưu
-	Nhà vệ sinh		m2	8				UBND xã Đồng Hưu
18	Nhà văn hóa thôn Đèo Cà							
-	Đất		m2	597,8		270.160.000	270.160.000	UBND xã Đồng Hưu
-	Nhà văn hóa Thôn Đèo Cà		m2	208		921.080.000	921.080.000	UBND xã Đồng Hưu
19	Nhà văn hóa Thôn Thái Hà							
-	Đất		m2	437,4		2.187.000.000	2.187.000.000	UBND xã Đồng Hưu
-	Nhà văn hóa Thôn Thái Hà		m2	188		1.004.694.000	1.004.694.000	UBND xã Đồng Hưu
20	Nhà văn hóa thôn Đèo Sắt							
-	Đất		m2	337,7		478.240.000	478.240.000	UBND xã Đồng Hưu
-	Nhà văn hóa thôn Đèo Sắt		m2	70				UBND xã Đồng Hưu
-	Nhà vệ sinh		m2	10				UBND xã Đồng Hưu
-	Nhà bếp		m2	15				UBND xã Đồng Hưu
21	Nhà văn hóa Thôn Bãi Gianh							
-	Đất		m2	1115		892.000.000	892.000.000	UBND xã Đồng Hưu
-	Nhà văn hóa Thôn Bãi Gianh		m2	208		910.531.000	910.531.000	UBND xã Đồng Hưu

22	Nhà văn hóa Thôn Trại Vành							
-	Đất		m2	1361,5				UBND xã Đồng Hưu
-	Nhà văn hóa Thôn Trại Vành		m2	214,5				UBND xã Đồng Hưu
23	Nhà văn hóa thôn Đồng Tâm							
-	Đất		m2	1400				UBND xã Đồng Kỳ
-	Nhà văn hóa thôn Đồng Tâm		m2	158		435.077.000	289.978.820	UBND xã Đồng Kỳ
24	Nhà văn hóa thôn Cống Huyện							
-	Đất		m2	360		50.400.000	50.400.000	UBND xã Đồng Kỳ
-	Nhà văn hóa thôn Cống Huyện		m2	158		937.150.000	266.056.285	UBND xã Đồng Kỳ
25	Nhà văn hóa thôn Trại Đàng							
-	Đất		m2	830,5		66.440.000	66.440.000	UBND xã Đồng Kỳ
-	Nhà số 1		m2	100		50.000.000	0	UBND xã Đồng Kỳ
-	Nhà số 2		m2	158		469.895.000	313.185.018	UBND xã Đồng Kỳ
26	Trụ sở nhà văn hóa thôn Ngò 1							
-	Đất		m2	1682,4		134.592.000	134.592.000	UBND xã Đồng Kỳ
-	Nhà số 1		m2	100		50.000.000	0	UBND xã Đồng Kỳ
-	Nhà số 2		m2	120		296.000.000	177.540.800	UBND xã Đồng Kỳ
27	Trụ sở nhà văn hóa thôn Trại Quân							
-	Đất		m2	1386,1		171.934.000	171.934.000	UBND xã Đồng Kỳ
-	Nhà văn hóa thôn Trại Quân		m2	158		440.380.000	293.513.270	UBND xã Đồng Kỳ
28	Trụ sở nhà văn hóa thôn Đồng Lân							
-	Đất		m2	575,7		46.056.000	46.056.000	UBND xã Đồng Kỳ
-	Nhà số 1		m2	100		50.000.000	0	UBND xã Đồng Kỳ
-	Nhà số 2		m2	200		465.378.000	217.052.299	UBND xã Đồng Kỳ
29	Trụ sở nhà văn hóa thôn Giếng Chanh							
-	Đất		m2	1039		145.460.000	145.460.000	UBND xã Đồng Kỳ
-	Nhà số 1		m2	158		443.040.000	295.286.160	UBND xã Đồng Kỳ
-	Nhà số 2		m2	100		50.000.000	0	UBND xã Đồng Kỳ
-	Nhà xe- Nhà văn hóa thôn Giếng Chanh		m2	35		50.000.000	0	UBND xã Đồng Kỳ

30	Nhà văn hóa thôn Trại Chuối 1							
-	Đất		m2	916		128.240.000	128.240.000	UBND xã Đồng Kỳ
-	Nhà số 1		m2	158		456.474.000	304.239.921	UBND xã Đồng Kỳ
-	Nhà số 2		m2	40		50.000.000	0	UBND xã Đồng Kỳ
31	Nhà văn hóa thôn Trại Chuối 2							
-	Đất		m2	700		730.000.000	730.000.000	UBND xã Đồng Kỳ
-	Nhà văn hóa thôn Trại Chuối 2		m2	158		456.000.000	273.508.800	UBND xã Đồng Kỳ
32	Nhà văn hóa thôn Ngò 2 xã Đồng Kỳ							
-	Đất		m2	5067,7				UBND xã Đồng Kỳ
-	Nhà văn hóa thôn Ngò 2		m2	158		436.000.000	261.512.800	UBND xã Đồng Kỳ
33	Nhà văn hóa bản Cầu Tư							
-	Đất		m2	4261,4				UBND xã Đồng Kỳ
-	Nhà văn hóa bản Cầu Tư		m2	203		610.044.000	447.284.260	UBND xã Đồng Kỳ
34	Nhà văn hóa bản Làng Ba							
-	Đất		m2	2238,9				UBND xã Đồng Kỳ
-	Nhà văn hóa bản Làng Ba		m2	220		655.237.000	567.828.384	UBND xã Đồng Kỳ
35	Nhà văn hóa Thôn Đền Giếng, xã Đồng Kỳ							
-	Đất		m2	2223,3				UBND xã Đồng Kỳ
-	Nhà văn hóa thôn Đền Giếng		m2	190		565.007.000	414.263.132	UBND xã Đồng Kỳ
36	Nhà văn hóa Thôn Trại Hồng							
-	Đất		m2	2873,6				UBND xã Đồng Kỳ
-	Nhà văn hóa thôn Trại Hồng		m2	220		685.000.000	593.621.000	UBND xã Đồng Kỳ
37	Nhà văn hóa Thôn Đồng Nghĩa							
-	Đất		m2	2476,2				UBND xã Đồng Kỳ
-	Nhà văn hóa thôn Đồng Nghĩa		m2	220		639.899.000	554.536.474	UBND xã Đồng Kỳ
38	Nhà văn hóa Thôn Trại Nhất, xã Đồng Kỳ							
	Đất		m2	3695				UBND xã Đồng Kỳ
	Nhà văn hóa thôn Trại Nhất		m2	234,22		812.553.000	704.158.430	UBND xã Đồng Kỳ
39	Nhà văn hóa Thôn Trại Hồng							

	Nam							
-	Đất		m2	1199,9				UBND xã Đồng Kỳ
-	Nhà văn hóa thôn Trại Hồng Nam		m2	154		543.121.000	180.859.291	UBND xã Đồng Kỳ
40	Nhà văn hóa Thôn Trại Sáu							
-	Đất		m2	1286,6				UBND xã Đồng Kỳ
-	Nhà Văn hóa thôn Trại Sáu		m2	295,7		547.199.000	328.209.961	UBND xã Đồng Kỳ
41	Nhà văn hóa Bản Đền Hồng							
-	Đất		m2	1651,5				UBND xã Đồng Kỳ
-	Nhà Văn hóa bản Đền Hồng		m2	140				UBND xã Đồng Kỳ
42	Nhà văn hóa Bản Trại Nhì							
-	Đất		m2	5800,5				UBND xã Đồng Kỳ
-	Nhà Văn hóa bản Trại Nhì		m2	244,1				UBND xã Đồng Kỳ